TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS- ST
Ngày: 10/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Đảm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 19/4/2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:
1. Anh Trịnh Đức T, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Khu phố N, Thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.
2. Chị Trịnh Thị Hồng T, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Khu phố N, Thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thọ: Chị Trịnh Thị Hồng T, sinh năm: 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2022).

Có mặt tại phiên Tòa.

- *Bị đơn:*

Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trần Thị N, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T và chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh T và chị T trình bày:

Ngày 27/3/2021 vợ chồng anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N vay của anh, chị số tiền là 48.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là tháng 27/6//2021 không thoả thuận phải trả lãi suất. Đến nay, chị N và anh T mới trả cho anh, chị được 17.000.000đ, còn lại 31.000.000đ vẫn chưa thanh toán. Nay anh T, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị N phải trả cho anh, chị số tiền gốc còn lại là 31.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

Trước đây, chồng chị là Vũ Văn T có vay tiền của anh T và chị T nhiều lần. Đến ngày 27/3/2021, hai bên chốt nợ và vợ chồng anh chị viết giấy khất nợ với anh T và chị T số tiền là 48.000.000đ, hẹn đến 27/6/2021 sẽ thanh toán. Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh, chị mới trả cho anh T, chị T được 17.000.000đ. Còn lại 31.000.000đ, chị đề nghị xin được trả dần cho anh T và chị T mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian trả nợ bắt đầu từ năm 2023. Nếu anh T và chị T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Vũ Văn T để nộp bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T, chị T và anh T, chị N đang tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" do anh T và chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh T và chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần nhưng anh Vũ Văn T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tòa án cũng đã Thông báo hợp lệ cho anh T hai lần để đến phiên hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt nên Toà án đã mở phiên hòa giải vắng mặt anh T.

[4]. Tại phiên toà, anh T và chị N đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T và chị N vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[5]. Việc anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N vay tiền của anh Trịnh Đức T và chị Trịnh Thị Hồng T số tiền là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà anh T và chị T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền của chữ ký và ghi rõ họ tên của người vay là Trần Thị N và Vũ Văn T. Việc này, chị Trần Thị N cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp. Trong giấy vay tiền, anh T và chị N cam kết trả nợ cho anh T và chị T vào ngày 27/6/2021. Đến nay đã quá hạn

trả nợ nhưng anh T và chị N mới trả cho anh Thọ và chị Thắm 17.000.000đ (mười bảy triệu), anh T và chị T chỉ yêu cầu anh T và chị N phải trả số nợ gốc còn lại là 31.000.0000đ (Ba mươi mốt triệu đồng) mà không yêu cầu tiền lãi. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của anh T và chị T, buộc anh T và chị N phải trả cho anh T, chị T số tiền là 31.000.0000đ (Ba mươi mốt triệu đồng).

[6]. Về lãi suất: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của anh T, chị T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T, chị N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Anh T, chị T được trả lại tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N phải trả cho anh Trịnh Đức T và chị Trịnh Thị Hồng T số tiền là 31.000.000.000đ (Ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T và chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng anh T và chị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N phải chịu 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Trịnh Đức T và chị Trịnh Thị Hồng T 775.000đ (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007546 ngày 12/01/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cúc